



MXV

SỞ GIAO DỊCH
HÀNG HÓA VIỆT NAM

NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

THÁNG 8/2026

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

Lưu hành nội bộ

EMAIL

bantinhitruong@mxv.vn

WEBSITE

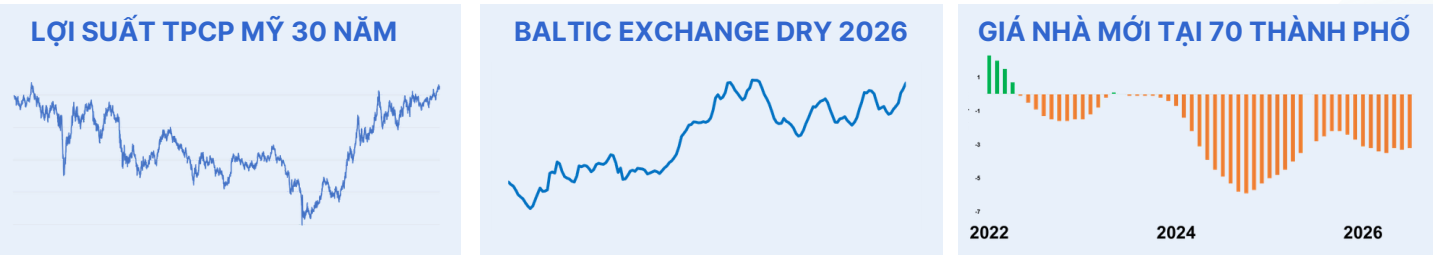
www.mxv.com.vn

Phần 1: Thị trường hàng hóa thế giới

Thông tin vĩ mô

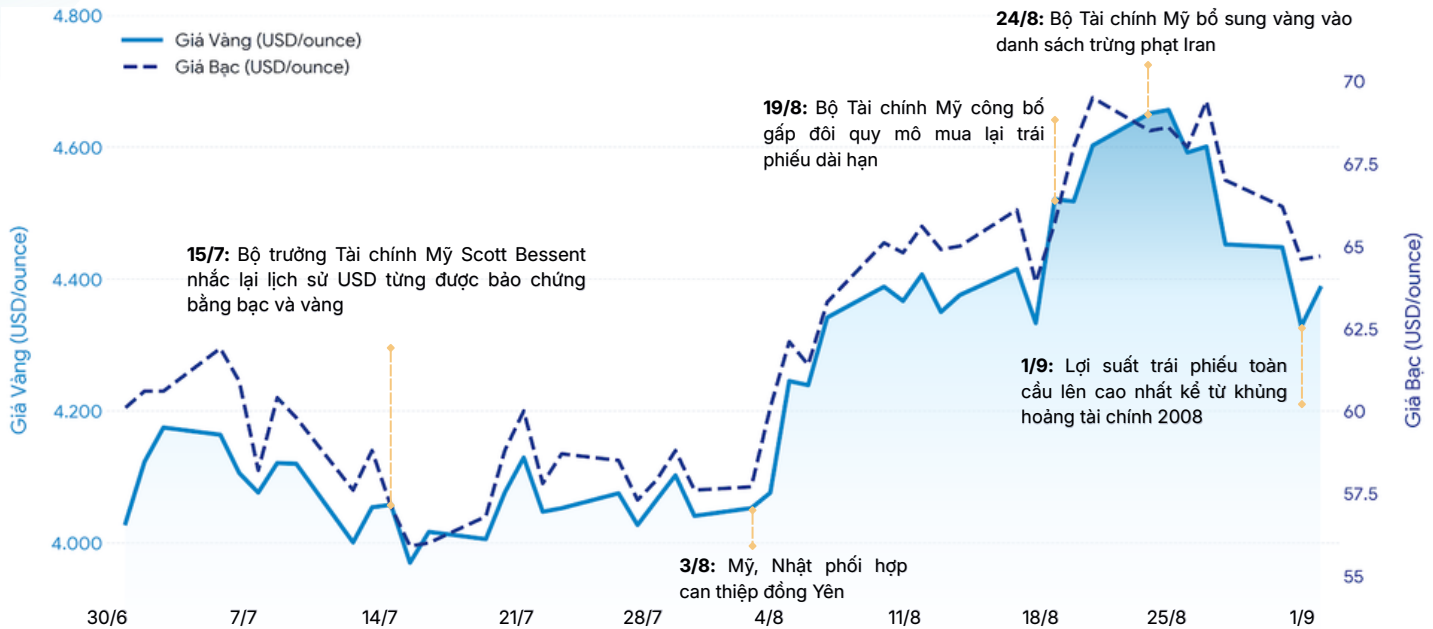
Thị trường hàng hóa thế giới tháng 8 chịu tác động đan xen từ chính sách tiền tệ, diễn biến lợi suất và các yếu tố cung cầu. Kỳ vọng về lộ trình lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) cùng đà tăng của lợi suất trái phiếu gây sức ép lên thị trường tài chính, trong khi những gián đoạn nguồn cung và căng thẳng địa chính trị tiếp tục hỗ trợ giá năng lượng. Trên thị trường nông sản, triển vọng mùa vụ và nguồn cung tại các khu vực sản xuất lớn tiếp tục tạo ra sự phân hóa giữa các mặt hàng, trong khi nhu cầu từ Trung Quốc và diễn biến của hoạt động sản xuất toàn cầu là những yếu tố quan trọng đối với nhóm kim loại và nguyên liệu công nghiệp.

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH MỸ	CHỈ SỐ CHI PHÍ	CHỈ SỐ TÀI CHÍNH TRUNG QUỐC
Chính sách lãi suất Chủ tịch Fed kiên định với mục tiêu lạm phát 2% và để ngỏ khả năng tăng lãi suất. Tháng 7, lạm phát cơ bản chưa hạ nhiệt khi PCE tổng thể tăng 3,7%, PCE lõi tăng 3,3% so với cùng kỳ, trong đó giá dịch vụ vẫn nhích 0,3% dù giá năng lượng giảm.	Chỉ số BCOMAG Chỉ số Nông sản Giao ngay của Bloomberg - theo dõi 10 mặt hàng chủ lực, đã tăng hơn 13% trong tháng 8 - mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 7/2012. Mặt bằng giá hợp đồng kỳ hạn của lúa mì và ngô cũng đã leo lên mức cao nhất trong nhiều năm qua.	Thị trường BĐS Trung Quốc Theo NBS, giá nhà mới trong tháng 7 tại 70 thành phố của Trung Quốc đã giảm 3,2% so với cùng kỳ năm trước, tiếp tục suy tháng thứ 37. Trong khi đó, chỉ số giá nhà cũ tại 70 thành phố Trung Quốc giảm từ 1,2% đến 9,4% trong tháng 7.
Thị trường lao động Báo cáo việc làm tháng 8 ghi nhận 162.000 việc làm mới, vượt dự báo, trong khi tỷ lệ thất nghiệp giữ ở 4,1%, cho thấy thị trường lao động vẫn vững và Fed chưa chịu nhiều áp lực phải hạ lãi suất.	Chỉ số Giá Thực phẩm FAO Tháng 8/2026, chỉ số giá lương thực của FAO tăng 1,9% lên 133,3 điểm trong tháng 8/2026, đánh dấu tháng tăng thứ hai liên tiếp và đạt mức cao nhất kể từ tháng 11/2022.	Dự báo GDP quý 3 Dù dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc quý này đạt 4,6% so với cùng kỳ năm ngoái (cải thiện từ mức 4,3% của quý 2), Goldman Sachs vẫn cảnh báo nguy cơ con số thực tế sẽ thấp hơn kỳ vọng.
Lợi suất trái phiếu: Áp lực lạm phát kéo dài, nhu cầu vay nợ gia tăng cùng kỳ vọng lãi suất neo cao đã đẩy lợi suất trái phiếu toàn cầu lên đỉnh kể từ năm 2008. Trong đó, lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm tiệm cận mốc 5%, cao nhất trong 3 năm và kỳ hạn 30 năm neo ở vùng đỉnh kể từ năm 2007.	Chỉ số hàng tàu BDI Chỉ số BDI chốt tháng ở 3.186 điểm, cao nhất kể từ 2/6/2026 và tăng hơn 60% so với cùng kỳ năm trước. Động lực tăng chủ yếu đến từ phân khúc Capesize, khi nhu cầu vận chuyển quặng sắt trên các tuyến đường dài tăng mạnh, đẩy cước thuê nhóm tàu trọng tải lớn lên cao.	Sản xuất và tiêu dùng PMI tiếp tục dưới 50, dưới ngưỡng mở rộng. Tăng trưởng sản xuất công nghiệp tháng 7/2026 của Trung Quốc chậm lại ở mức 4,5% YoY, trong khi doanh số bán lẻ chững lại mức 0,6% YoY. Độ lệch gần 4% giữa hai chỉ số phản ánh sự mất cân đối khi cung vượt xa cầu nội địa.



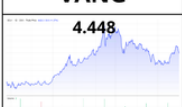
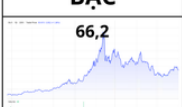
Thông tin hàng hóa thế giới

DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG VÀ BẠC LIÊN KỲ HẠN



	Yếu tố ảnh hưởng	Mặt hàng	Diễn biến giá	%↗ kể từ 3/8
Nông sản	- Khảo sát Pro Farmer Crop Tour: Năng suất thực địa kỷ lục, triệt tiêu phần bù rủi ro hạn hán. - Lượng ép dầu nội địa Mỹ lập kỷ lục lịch sử với 5,9 triệu tấn. - Trung Quốc tăng tốc mua đậu tương Mỹ; Sinograin đấu giá xả kho hơn 500.000 tấn đậu cũ để đón hàng mới.	Đậu tương		+14,6%
		Dầu đậu tương		+2,6%
		Ngô		+14,6%
		Lúa mì Chicago		+16,2%
NLCN	- Tồn kho Arabica trên Sở ICE thấp nhất kể từ năm 1999. - Xuất khẩu cà phê Việt Nam (phần lớn là Robusta) tăng 12% - Nhu cầu cao su tự nhiên tiếp tục gia tăng trong bối cảnh nguồn cung suy giảm tại các nước sản xuất chính.	Cà phê Arabica		+7,6%
		Cà phê Robusta		-7,8%
		Cao su TSR20		+15,2%
		Đường 11		+18,7%
Kim loại	- Bộ Tài chính Mỹ công bố mua lại gấp đôi trái phiếu dài hạn. - Lợi suất trái phiếu toàn cầu lên mức đỉnh kể từ khủng hoảng năm 2008. - Nguồn cung đồng toàn cầu suy giảm trong bối cảnh Mỹ gia tăng nhập khẩu đồng trước nguy cơ áp thuế.	Bạc		+12%
		Bạch Kim		+6,7%
		Đồng		+1,1%
		Quặng sắt		+1,5%
Năng lượng	- Bất ổn tại eo biển Hormuz, căng thẳng Mỹ - Iran kéo dài, gián đoạn nguồn cung từ Trung Đông và Nga ảnh hưởng tới giá xăng dầu toàn cầu. - Sản lượng khí tự nhiên tại Mỹ duy trì ở mức cao, nhưng tốc độ bổ sung tồn kho thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 5 năm.	Dầu Brent		+8%
		Dầu WTI		+6,8%
		Dầu ít lưu huỳnh		+11,7%
		Xăng RBOB		+15,8%
		Khí tự nhiên		+5,8%

Phân tích cấu trúc vị thế hàng hóa giao dịch

LÚA MÌ 	CBOT Cấu trúc Contango	Biên độ 1M Mức ký quỹ Hệ số khuếch đại	19,7% 5,7% 343%	COT52W 11,2% Bán cực đoan	CR8 Net Long Net Short	Phân tán 20% 18,4%	Non-Commercial Long Short	121.212 ▲ 1,8% 127.991 ▲ 5,7%
NGÔ 	CBOT Cấu trúc Contango	Biên độ 1M Mức ký quỹ Hệ số khuếch đại	19% 4,7% 405,7%	COT52W 0% Bán cực đoan	CR8 Net Long Net Short	Phân tán 17,5% 18%	Non-Commercial Long Short	593.012 ▲ 20,2% 152.097 ▼ 36,4%
ĐẬU TƯƠNG 	CBOT Cấu trúc Contango	Biên độ 1M Mức ký quỹ Hệ số khuếch đại	12,3% 5,2% 239%	COT52W 11,9% Bán cực đoan	CR8 Net Long Net Short	Phân tán 18,6% 24,6%	Non-Commercial Long Short	303.519 ▲ 8,5% 82.092 ▲ 20,5%
ARABICA 	ICE Cấu trúc Backwardation	Biên độ 1M Mức ký quỹ Hệ số khuếch đại	9,9% 16,6% 59,7%	COT52W 32,8% Bán	CR8 Net Long Net Short	Phân tán 18,6% 20,9%	Non-Commercial Long Short	51.857 ▼ 1,6% 21.385 ▼ 15,5%
ROBUSTA 	ICE Cấu trúc Backwardation	Biên độ 1M Mức ký quỹ Hệ số khuếch đại	11,7% 15,9% 73,5%	COT52W - -	CR8 Net Long Net Short	- - -	Non-Commercial Long Short	- - - -
ĐƯỜNG 11 	ICE Cấu trúc Contango	Biên độ 1M Mức ký quỹ Hệ số khuếch đại	28,5% 5% 575,6%	COT52W 0% Bán cực đoan	CR8 Net Long Net Short	Tập trung vừa 17% 26%	Non-Commercial Long Short	364.998 ▲ 36,2% 254.864 ▼ 27,7%
VÀNG 	CME Cấu trúc Contango	Biên độ 1M Mức ký quỹ Hệ số khuếch đại	6,4% 2,5% 252,5%	COT52W 19,5% Bán cực đoan	CR8 Net Long Net Short	Tập trung vừa 25,4% 54,2%	Non-Commercial Long Short	277.159 ▲ 26,2% 33.825 ▼ 9,9%
BẠC 	CME Cấu trúc Contango	Biên độ 1M Mức ký quỹ Hệ số khuếch đại	9,9% 11,9% 83%	COT52W 81,3% Mua cực đoan	CR8 Net Long Net Short	Tập trung vừa 20,2% 43,8%	Non-Commercial Long Short	37.871 ▲ 7,2% 12.610 ▼ 3,7%
ĐỒNG 	CME Cấu trúc Contango	Biên độ 1M Mức ký quỹ Hệ số khuếch đại	5,9% 9,6% 60,8%	COT52W 0% Bán cực đoan	CR8 Net Long Net Short	Tập trung vừa 23,9% 40,2%	Non-Commercial Long Short	121.419 ▲ 17,9% 36.153 ▲ 1,1%
WTI 	NYMEX Cấu trúc Backwardation	Biên độ 1M Mức ký quỹ Hệ số khuếch đại	9,6% 9% 107,5%	COT52W 54,3% Trung Tính	CR8 Net Long Net Short	Phân tán 16% 20%	Non-Commercial Long Short	323.243 ▲ 19,8% 199.794 ▲ 2,5%

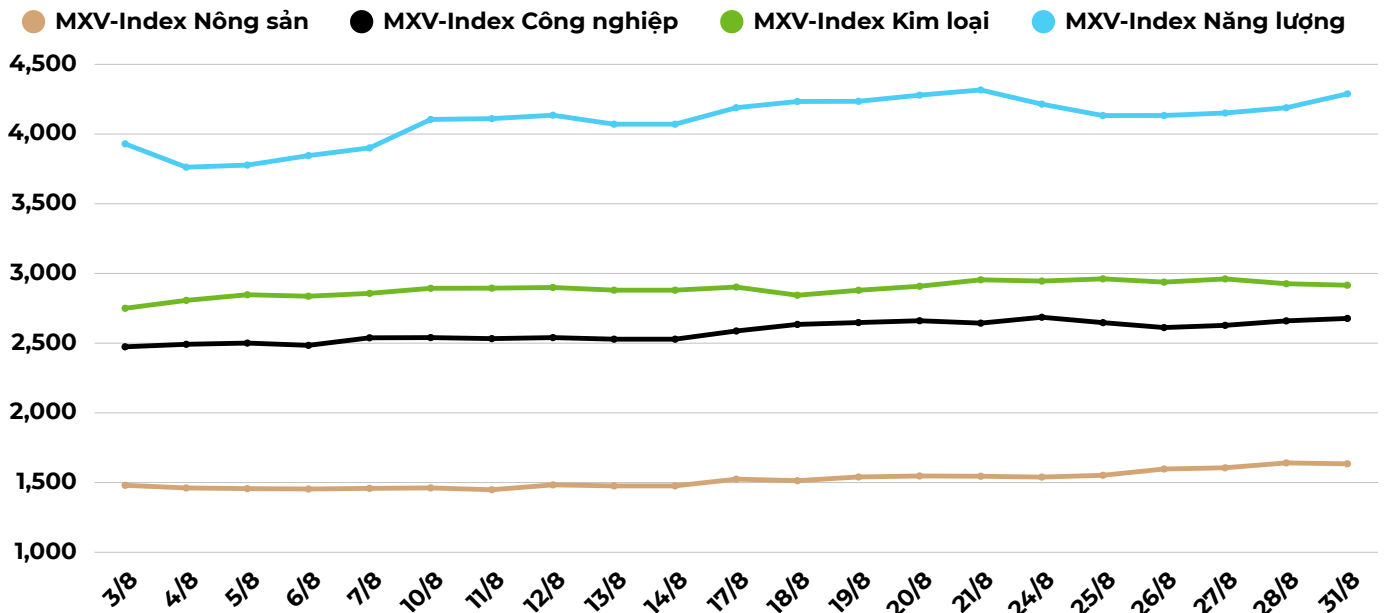
Chú thích:

- Chỉ báo Vị thế 52 Tuần (COT52W): Dựa trên dữ liệu từ Ủy ban Giao dịch Hàng hóa Tương lai Mỹ (CFTC) tính đến 25/8/2026.
COT Index = (Net Commercial – Min52w) / (Max52w – Min52w) × 100.

- Chỉ số CR8 (Concentration Ratio): Đo lường mức độ tập trung thị trường thông qua tỷ lệ kiểm soát vị thế rỗng của 8 thương nhân lớn nhất.

Phần 2: Thị trường hàng hóa trong nước

Diễn biến MXV-Index các nhóm hàng



MXV-INDEX

2.843

▲4,77%

Nông sản

1.519

▲2,67% MoM

Năng lượng

4.098

▲4,23% MoM

NLCN

2.583

▲5,59% MoM

Kim loại

2.889

▲6,21% MoM

MXV-Index trung bình tháng 8 ở mức 2.843 điểm, tăng gần 5% so với mức trung bình tháng 7. Trong đó, chỉ số đo lường biến động giá của cả 4 nhóm hàng hóa đều ghi nhận mức tăng, trong đó kim loại tăng 6,21%, tiếp đến là nguyên liệu công nghiệp tăng 5,59%, năng lượng tăng 4,23% và nông sản tăng 2,67% so với tháng trước.

Đóng cửa phiên giao dịch cuối tháng (31/8), MXV-Index dừng ở 2.950 điểm, tăng 8,17% so với cuối tháng 7. Xét theo mức tăng của phiên đóng cửa tháng, nhóm nông sản đóng vai trò dẫn dắt khi chỉ số nhóm tăng 11,75%, lên 1.634 điểm, theo sau đó là nhóm nguyên liệu công nghiệp tăng 6,45%, lên 2.677 điểm. Trong khi đó, chỉ số nhóm năng lượng ghi nhận mức đóng góp ít nhất khi chỉ tăng 3,82%, lên 4.288 điểm.

Tổng quan giao dịch tháng 8/2026

THỊ TRƯỜNG SÔI ĐỘNG

Thị trường giao dịch hàng hóa Việt Nam tháng 8 ghi nhận khối lượng giao dịch tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, trong khi thanh khoản có sự dịch chuyển đáng chú ý giữa các nhóm hàng. Giao dịch qua Sở ACM tăng tỷ trọng, chủ yếu do các hợp đồng kim loại quý mô nhỏ sôi động trở lại, đưa nhóm kim loại lên dẫn đầu về thanh khoản. Ở chiều ngược lại, giao dịch một số hợp đồng nông sản thu hẹp, ngoại trừ lúa mì vẫn duy trì giá trị giao dịch lớn. Đáng chú ý, 3.311 tài khoản được mở mới trong tháng - mức cao nhất trong 8 tháng đầu năm 2026.

QUY MÔ GIAO DỊCH

- ✔ Khối lượng giao dịch tăng
- ✔ Giá trị giao dịch giảm nhẹ
- ✔ TVKD, TVMG tăng trưởng
- ✔ Tài khoản mở mới tăng
- ✔ Giao dịch thực tế tăng

KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH

199.873 lots

▲ 0,03%

So với tháng 7/2026

▲ 69,5%

So với cùng kỳ năm ngoái

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH

172.531 tỷ VNĐ

▼ 2,07%

So với tháng 7/2026

▲ 31,6%

So với cùng kỳ năm ngoái

TÀI KHOẢN MỞ MỚI

So với tháng 7/2026

▲ 795 Tài khoản

Tăng 31,6%

So với cùng kỳ năm ngoái

▲ 2.811 Tài khoản

Tăng 562,2 %

XU HƯỚNG GIAO DỊCH



Nông sản

Tăng giá mạnh nhất

MXV-Index nhóm

▲ 11,75%



NLCN

Thanh khoản thu hẹp

Giá trị giao dịch

▼ 15,39%



Kim loại

Mở rộng tỷ trọng

Khối lượng giao dịch

▲ 15,39%



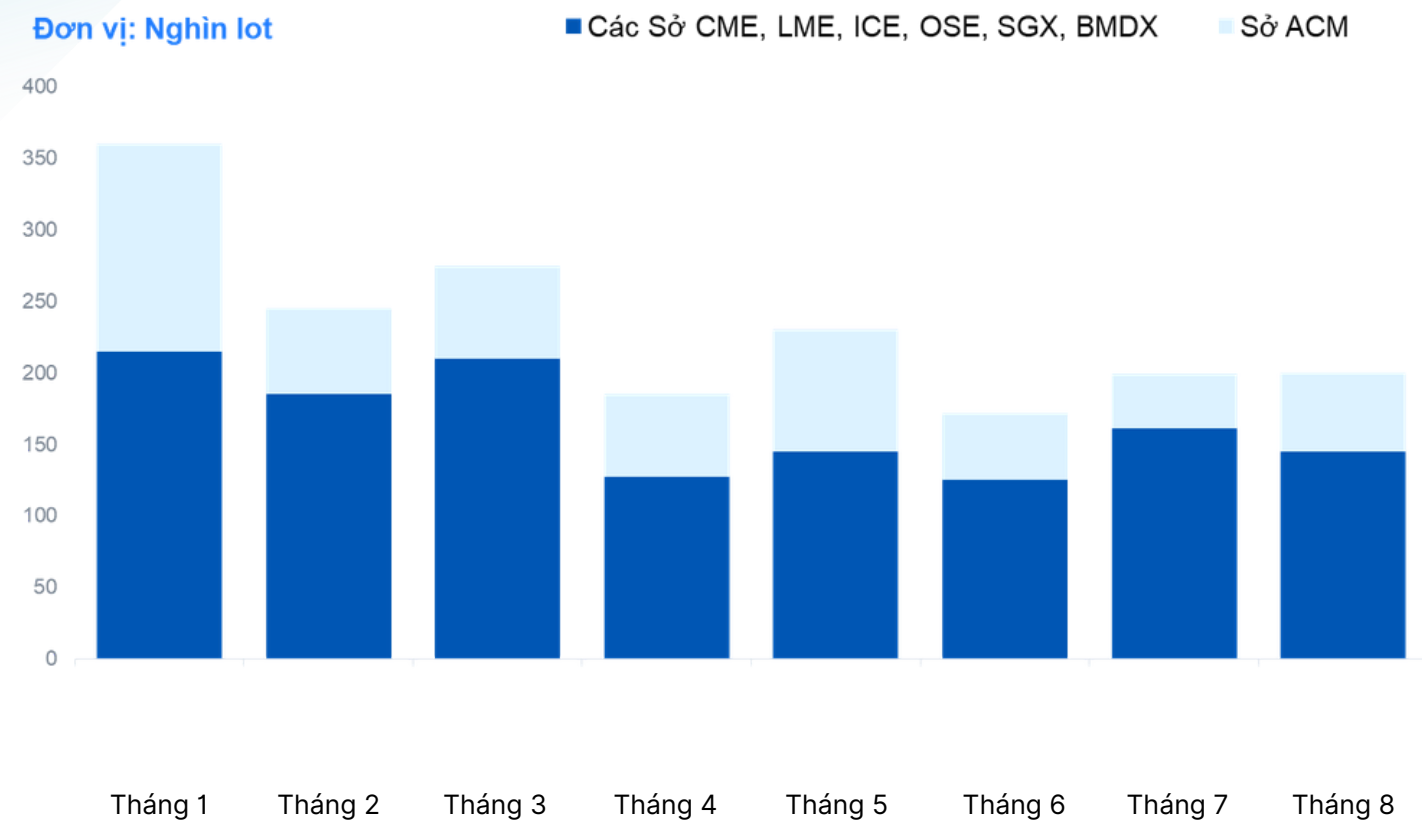
Năng lượng

Biên độ biến động rộng

Brent

▲ 18,9%

Khối lượng giao dịch



THÁNG 8/2026

199.873 lots

▲ 0,03% so với Tháng 7/2026
▲ 69,54% so với Tháng 8/2025

SỞ ACM

54.911 lots

Chiếm 28% toàn thị trường

CÁC SỞ CME, LME, ICE, OSE, SGX, BMDX

144.962 lots

Chiếm 72% toàn thị trường

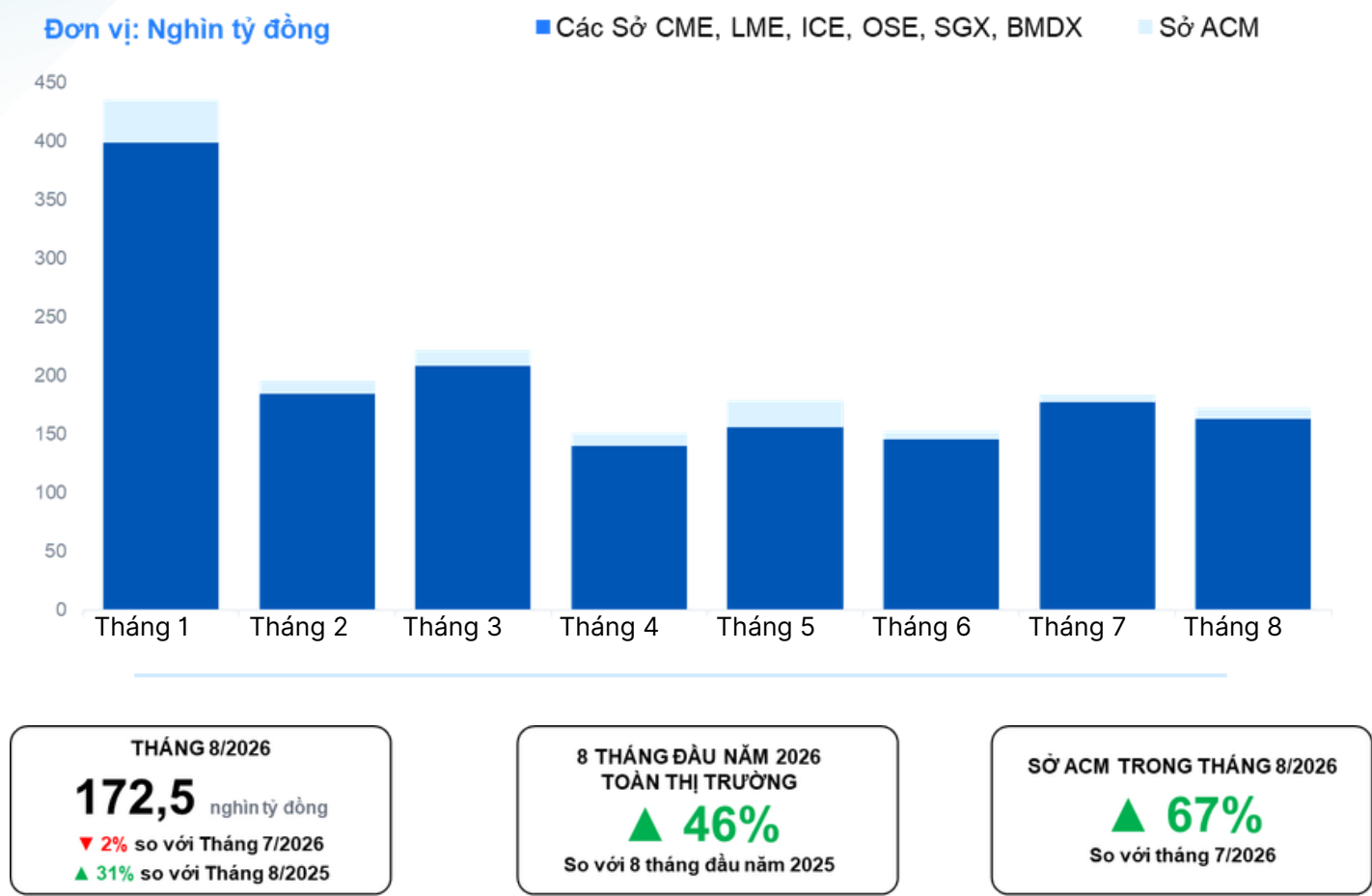
KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH TẠI MXV THÁNG 8/2026

Cơ cấu giao dịch tiếp tục dịch chuyển

Trong tháng 8, cơ cấu giao dịch tiếp tục dịch chuyển theo hướng gia tăng tỷ trọng tại Sở ACM. Xét về khối lượng, tỷ trọng giao dịch qua ACM tăng từ 18,87% lên 27,48%, tương ứng tăng 8,61 điểm phần trăm; trong khi tỷ trọng giao dịch qua các Sở quốc tế lớn như CME, ICE, LME... giảm từ 81,13% xuống 72,52%.

Đáng chú ý, khối lượng giao dịch tại ACM đạt 54.911 lot, tăng 44,5% so với tháng trước và gấp khoảng 44 lần so với cùng kỳ năm 2025. Sự thay đổi cơ cấu này chủ yếu gắn với mức tăng thanh khoản của các hợp đồng kim loại quý mô nhỏ qua Sở ACM, đặc biệt là nhóm sản phẩm Nano.

Giá trị giao dịch



GIÁ TRỊ GIAO DỊCH TẠI MXV THÁNG 8/2026

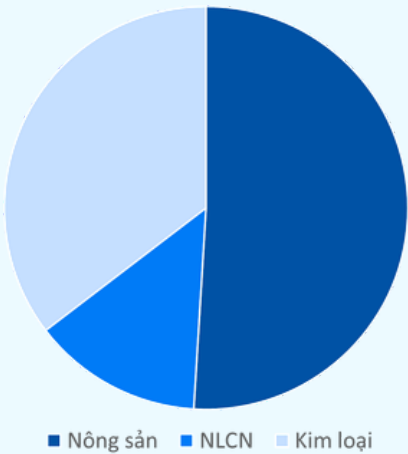
Dù giá trị giao dịch tháng 8/2026 giảm nhẹ 2,1% so với tháng trước, tổng giá trị vẫn ghi nhận mức tăng ấn tượng 31,6% so với cùng kỳ năm 2025. Sự bứt phá này tiếp tục củng cố đà tăng trưởng lũy kế 8 tháng đầu năm lên 46,3%. Mức giảm theo tháng chỉ phản ánh biến động ngắn hạn, trong khi xu hướng tăng trưởng dài hạn của thị trường vẫn được giữ vững.

Xét về giá trị, giao dịch qua Sở ACM chiếm 5,66% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường trong tháng 8, tăng 67% so với tháng trước. Đáng chú ý, giá trị giao dịch của hợp đồng Bạc Nano ACM tăng 72,34%, đạt 8.392 tỷ đồng. Trong khi đó, giá trị giao dịch bình quân trong tháng 8 đạt khoảng 863 triệu đồng/lot, thấp hơn 2,6% so với mức bình quân 8 tháng đầu năm.

Diễn biến này cho thấy sự gia tăng thanh khoản trong tháng 8 chủ yếu đến từ khối lượng giao dịch, trong khi giá trị bình quân trên mỗi lot giảm do cơ cấu giao dịch có sự dịch chuyển sang các hợp đồng quy mô nhỏ hơn.

Phân tích hàng hóa giao dịch trên thị trường

Kim loại trở lại vị trí dẫn đầu về thanh khoản

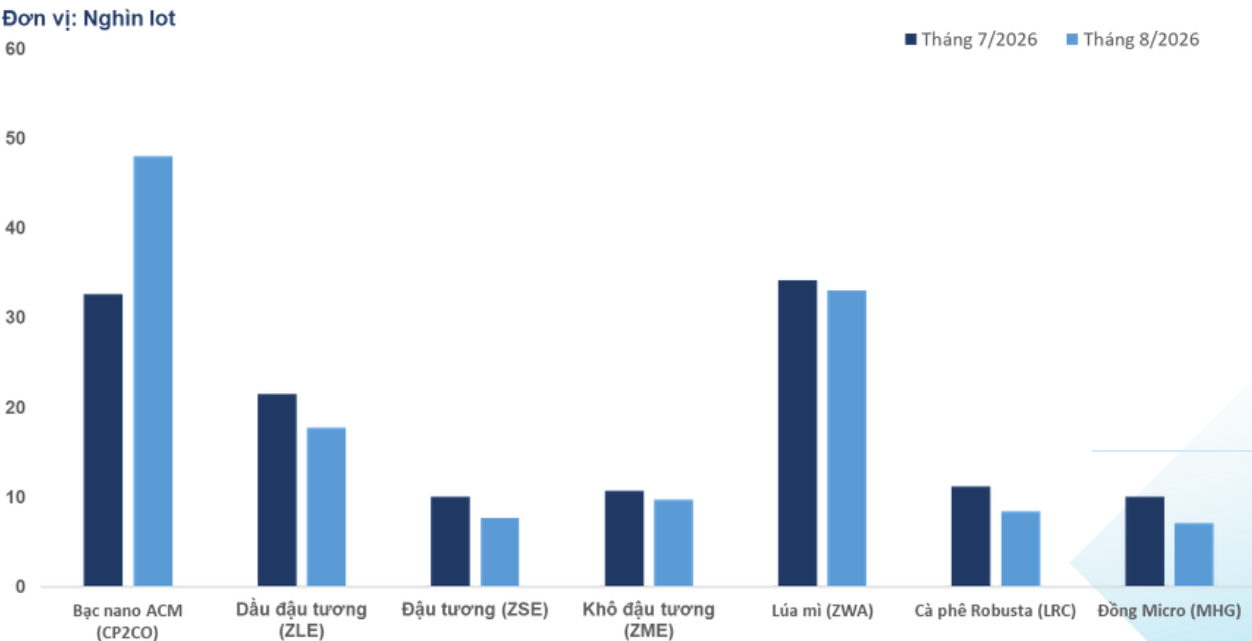


Nhóm kim loại chiếm 42% tổng khối lượng giao dịch và 38,65% tổng giá trị giao dịch trong tháng 8. Khối lượng giao dịch của nhóm tăng 15%, trong khi giá trị giao dịch tăng gần 7% so với tháng trước.

TỶ TRỌNG THANH KHOẢN TẠI MXV THÁNG 8/2026

Về khối lượng giao dịch, động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ các hợp đồng kim loại quy mô nhỏ tại Sở ACM như: Bạc Nano, Bạch kim Nano và Đồng Nano. Trong đó, riêng Bạc Nano ACM đạt 48.212 lot đã chiếm tới 24,12% tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường, tăng gần 48% so với tháng 7. Với kết quả này, Bạc Nano ACM thay thế vị trí lúa mì vươn lên dẫn đầu về khối lượng giao dịch toàn thị trường. Bạch kim Nano ACM và Đồng Nano ACM cũng ghi nhận mức tăng lần lượt 28,48% và 19,99% về khối lượng giao dịch so với tháng 7.

Trái ngược với nhóm kim loại, thanh khoản nhóm nông sản giảm trong tháng 8. Khối lượng giao dịch của nhóm đậu tương giảm hơn 7.000 lot, tương đương trên 17%, trong khi cà phê Robusta giảm 2.617 lot.



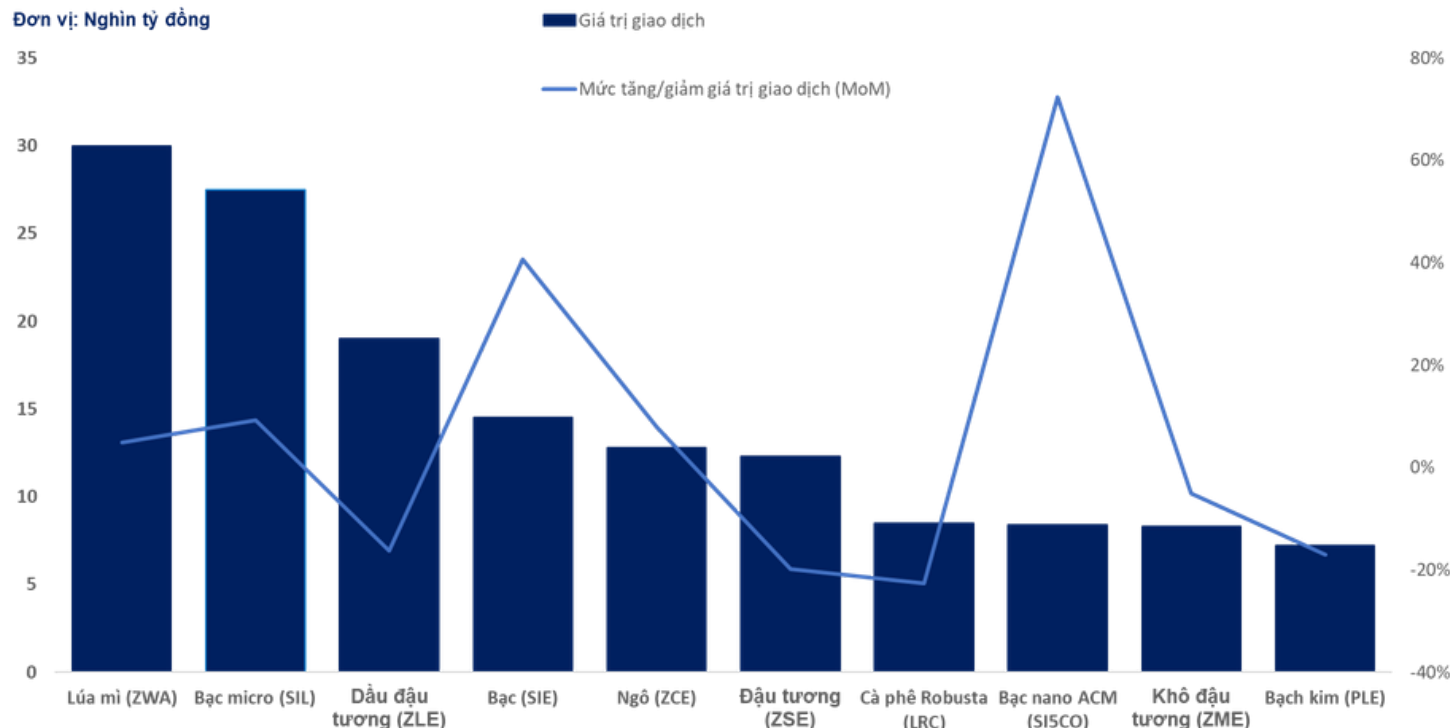
CÁC HÀNG CÓ THAY ĐỔI ĐÁNG CHÚ Ý VỀ KLGD

Phân tích hàng hóa giao dịch trên thị trường

Nông sản giảm thanh khoản nhưng vẫn duy trì tỷ trọng lớn

Về giá trị giao dịch, hợp đồng lúa mì tiếp tục dẫn đầu top 3 sản phẩm có thanh khoản lớn nhất trong tháng 8, cho thấy sức hút ổn định của mặt hàng này trên thị trường.

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



TOP 10 SẢN PHẨM CÓ GTGD LỚN NHẤT TẠI MXV THÁNG 8/2026

Cụ thể, giá trị giao dịch của lúa mì trong tháng 8 đạt hơn 30.000 tỷ đồng, chiếm 17,44% tổng giá trị giao dịch và tăng 4,84% so với tháng trước, qua đó tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu về thanh khoản. Tuy nhiên, xét trên toàn thị trường, giá trị giao dịch nông sản vẫn giảm hơn 4.200 tỷ đồng so với tháng 7. Ngược lại, kim loại là nhóm hàng duy nhất ghi nhận tăng trưởng, với giá trị giao dịch tăng 6,96%.

Đáng chú ý, dòng tiền trong nhóm kim loại có sự dịch chuyển rõ rệt về phía các hợp đồng bạc. Giá trị giao dịch của Bạc tăng 40,58% so với tháng trước, giúp mặt hàng này vươn từ vị trí thứ 7 lên thứ 4 trong bảng xếp hạng. Bạc Nano ACM cũng lần đầu lọt vào top 8, đạt gần 8.400 tỷ đồng, thay thế Khô đậu tương.

Diễn biến trái chiều giữa hai nhóm hàng cho thấy dòng tiền đang có xu hướng dịch chuyển khỏi nông sản và tập trung mạnh hơn vào các hợp đồng kim loại, đặc biệt là nhóm bạc.

Xu hướng giao dịch theo quy mô hợp đồng

Nhóm hợp đồng Full-sized

HÀNG HÓA	T3/2026	T4/2026	T5/2026	T6/2026	T7/2026	T8/2026
Ngô						
Đường						
Lúa mì						
Dầu đậu tương						
Khô đậu tương						
Đậu tương						
Cà phê Arabica						
Bạch kim						
Bông sợi						
Cà phê Robusta						
Cao su TSR 20						



Trong tháng 8, thanh khoản nhóm hợp đồng Full-sized diễn biến kém tích cực, khi phần lớn các mặt hàng ghi nhận mức tăng trưởng khối lượng giao dịch giảm so với tháng trước, đặc biệt tại nhóm nông sản và kim loại. Đáng chú ý, Lúa mì ghi nhận mức giảm mạnh nhất, với mức tăng trưởng khối lượng giao dịch giảm 106 điểm phần trăm (pp) so với tháng 7, từ mức tăng 103%, đảo chiều giảm 3%, qua đó đánh mất vị trí dẫn đầu về thanh khoản. Khô đậu tương và Đậu tương lần lượt giảm 76pp và 73pp, trong khi Bạch kim giảm 80pp.

Ở chiều ngược lại, Cao su TSR20 và Bông là hai mặt hàng ghi nhận mức cải thiện rõ nét với mức tăng trưởng khối lượng giao dịch lần lượt cao hơn tháng trước 60pp và 43pp.

Nhìn chung, thanh khoản nhóm hợp đồng Full-sized trong tháng 8 suy yếu khi phần lớn các mặt hàng, đặc biệt trong nhóm nông sản và kim loại, đồng loạt sụt giảm khối lượng giao dịch. Cao su và Bông là những điểm sáng hiếm hoi khi thanh khoản cải thiện.

Xu hướng giao dịch theo quy mô hợp đồng

Nhóm hợp đồng Mini, Micro và Nano

HÀNG HÓA	T3/2026	T4/2026	T5/2026	T6/2026	T7/2026	T8/2026
Bạch kim Nano ACM						
Lúa mì Mini						
Dầu đậu tương Micro						
Ngô Mini						
Bạc Nano ACM						
Đồng Nano ACM						
Đậu tương Mini						
Bạc Micro						
Đồng Micro						

Giảm | Tăng

Chú giải:



Sau khi hạ nhiệt trong tháng 7, thanh khoản nhóm hợp đồng Mini, Micro và Nano đã cải thiện trở lại trong tháng 8, chủ yếu nhờ sự gia tăng giao dịch tại các sản phẩm kim loại quy mô nhỏ qua Sở ACM.

Nổi bật nhất là nhóm hợp đồng Nano, khi cả Bạc Nano, Đồng Nano và Bạch kim Nano ACM đều tăng điểm phần trăm khối lượng giao dịch so với tháng trước, trong đó Bạc Nano dẫn đầu mức tăng với 50,5pp. Ở nhóm Mini, Ngô Mini cũng ghi nhận mức tăng mạnh 30,8pp về khối lượng giao dịch, đi ngược xu hướng giảm của Lúa mì Mini và Đậu tương Mini.

Tuy nhiên, đà cải thiện thanh khoản chưa diễn ra đồng đều giữa các sản phẩm. Trái ngược với Đồng Nano và Bạch kim Nano ACM, Đồng Micro lại ghi nhận khối lượng giao dịch giảm, Dầu đậu tương Micro cũng nối tiếp đà giảm với 10,6pp. Riêng Bạc Micro, dù vẫn giảm, nhưng diễn biến đã chuyển biến theo chiều hướng tích cực hơn so với tháng 7.

3 chuyển động nổi bật trong tháng 8



BẠC NANO ACM VƯƠN LÊN DẪN ĐẦU THANH KHOẢN

Tháng 8 ghi nhận sự cải thiện rõ nét của nhóm kim loại hợp đồng quy mô nhỏ, nổi bật là Bạc Nano ACM. Với 48.212 lot, chiếm 24,12% tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường, hợp đồng Bạc Nano ACM vươn lên vị trí dẫn đầu về khối lượng giao dịch trong tháng 8. Về giá trị giao dịch, hợp đồng này tăng gần 48% so với tháng trước.



ACM MỞ RỘNG TỶ TRỌNG TRONG CƠ CẤU GIAO DỊCH

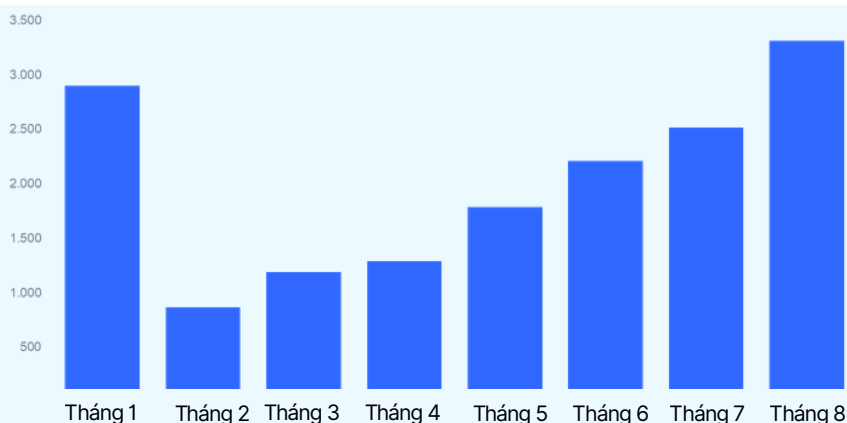
Khối lượng giao dịch qua Sở ACM đạt 54.911 lot, tăng 44,5% so với tháng trước. Tỷ trọng giao dịch qua ACM tăng từ 19,02% lên 27,47%, trong khi tỷ trọng qua các Sở giao dịch CME, LME, ICE... giảm từ 80,98% xuống 72,53%. Sự dịch chuyển này diễn ra đồng thời với nhóm kim loại mở rộng tỷ trọng lên 42% tổng khối lượng giao dịch, trong đó các hợp đồng Nano tại ACM đóng góp đáng kể.



TÀI KHOẢN MỞ MỚI GẤP HƠN 6 LẦN SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2025

Tháng 8 ghi nhận mức mở mới tài khoản cao nhất kể từ đầu năm với 3.311 tài khoản, tăng 31,6% so với tháng 7 và cao gấp hơn 6 lần so với cùng kỳ năm 2025, tương đương tăng 562,2%. Đáng chú ý, số tài khoản mở mới trong tháng không chỉ vượt tháng 7 mà còn phá kỷ lục 2.898 tài khoản của tháng 1, đưa tháng 8 trở thành tháng có mức mở mới cao nhất trong 8 tháng đầu năm.

Lũy kế 8 tháng, số tài khoản mở mới đạt 16.061, gấp hơn 5 lần cùng kỳ năm 2025, tương đương mức tăng 418%. Trong đó, SFVN và Gia Cát Lợi lần lượt đóng góp 665 và 652 tài khoản, chiếm tổng cộng 39,78%, tương đương gần 40% số tài khoản mở mới toàn thị trường.



SỐ LƯỢNG TÀI KHOẢN MỞ MỚI THÁNG TỪ THÁNG 1-8/2026

Sản phẩm dẫn dắt

Các mặt hàng có tăng trưởng giao dịch nổi bật so với tháng 7

Tăng trưởng KLGD 

Tăng trưởng GTGD 

1



Dầu cọ thô

▲ **189,29%**
(81 lot)

▲ **203,95%**
(62 tỷ đồng)

2



Ca cao

▲ **67,96%**
(609 lot)

▲ **78,92%**
(940 tỷ đồng)

3



Bạc Nano ACM

▲ **47,84%**
(48.212 lot)

▲ **72,34%**
(8.392 tỷ đồng)

Về giá trị (GTGD): Tháng 8, Dầu cọ thô vượt Lúa mì giữ vị trí số 1 trong top 3 với mức tăng 203,9%, tiếp theo là Ca cao tăng 78,92%, và Bạc Nano ACM tăng 72,34% so với tháng trước.

- **Dầu cọ thô:** Trở thành tâm điểm giao dịch của tháng 8, dẫn dắt toàn thị trường cả về mức tăng trưởng vượt trội cả về KLGD và GTGD so với tháng trước.
- **Ca cao:** Từ vị trí thứ 21 trong tháng 7 đã vượt ngoạn mục lên vị trí thứ 2 trong tháng 8.
- **Bạc Nano ACM:** Từ vị trí thứ 12 trong tháng 7 vươn lên vị trí thứ 3 trong tháng 8. Đáng chú ý, hợp đồng này dẫn vị trí số 1 về KLGD trong tháng 8.

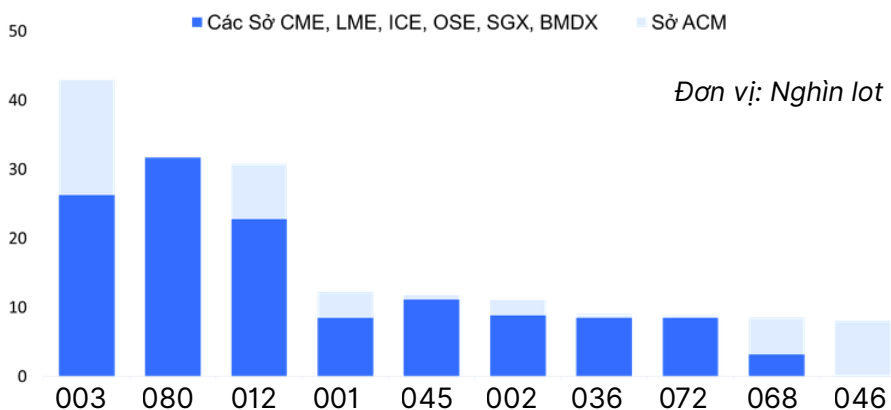
Phần 3: Bản đồ thị phần thành viên

Xếp hạng TVKD

THEO KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH

Gia Cát Lợi (TVKD: 003) trở lại vị trí dẫn đầu trong tháng 8 với 42.912 lot, gồm 26.273 lot qua các Sở CME, LME, ICE, OSE, SGX, BMDX và 16.639 lot qua Sở ACM. APEX (TVKD: 080) đứng thứ hai với 31.697 lot, toàn bộ khối lượng giao dịch đến từ các Sở CME, LME, ICE...

HCT (TVKD: 012) đứng thứ ba với 30.790 lot, gồm 22.769 lot qua Sở giao dịch CME, LME, ICE... và 8.021 lot qua Sở ACM. Đáng chú ý, SFVN (TVKD: 046) lọt top 10 ghi nhận 8.071 lot, trong đó 8.040 lot, tương đương 99,6%, được thực hiện qua Sở ACM. Cơ cấu này cho thấy mức độ tập trung cao của thành viên vào nhóm sản phẩm giao dịch tại Sở ACM.



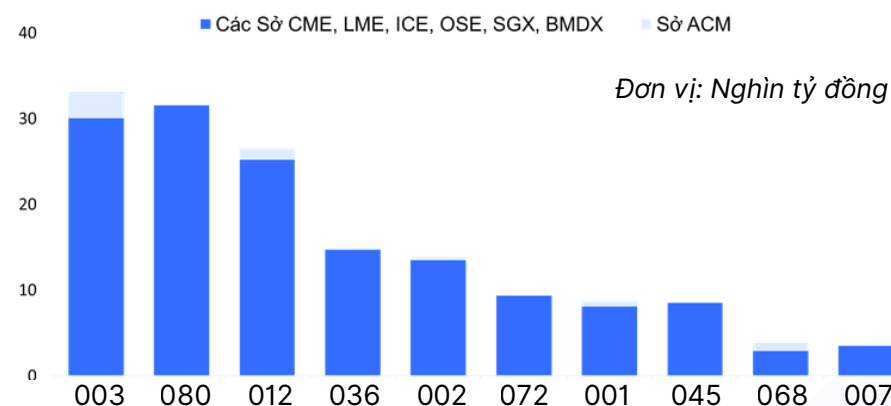
TOP 10 TVKD THEO KLGD THÁNG 8/2026

THEO GIÁ TRỊ GIAO DỊCH

Tháng 8, Gia Cát Lợi (TVKD: 003) đứng đầu với 33.074 tỷ đồng, theo sau là APEX (TVKD:80) với 31.544 tỷ đồng và HCT (TVKD: 012) với 26.615 tỷ đồng. Gia Cát Lợi ghi nhận tỷ trọng giao dịch lớn qua Sở ACM, với giá trị tăng 314,6 tỷ đồng.

Trong top 10, APEX là thành viên duy nhất không có giao dịch qua Sở ACM trong tháng 8, toàn bộ giá trị giao dịch đến từ các hợp đồng qua Sở giao dịch CME, ICE, LME...

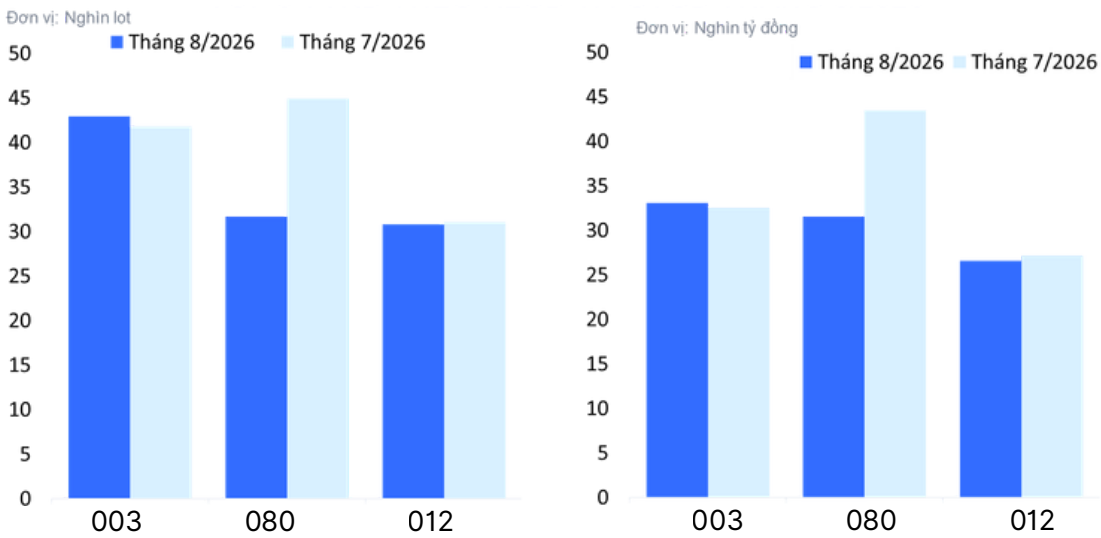
Anfin (TVKD: 068) đạt tổng giá trị giao dịch 3.843 tỷ đồng, trong đó khoảng 960 tỷ đồng giao dịch qua Sở ACM, tương đương khoảng 25% tổng giá trị giao dịch.



TOP 10 TVKD THEO GTGD THÁNG 8/2026

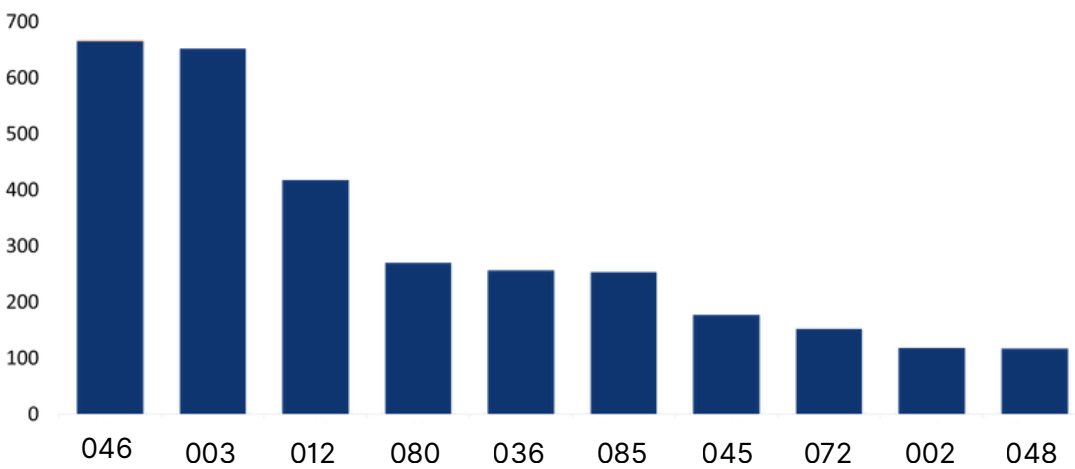
Đáng chú ý, TVT (TVKD: 007) lần đầu góp mặt trong top 10 theo giá trị giao dịch, với 3.494 tỷ đồng, trong đó gần như toàn bộ giao dịch tập trung ở các hợp đồng cà phê - mặt hàng thu hút quan tâm lớn của giới đầu tư trong tháng 8 khi tồn kho Arabica trên Sở ICE liên tục giảm và nguồn cung toàn cầu chịu nhiều sức ép.

Phần 3: Bản đồ thị phần thành viên



TOP 3 TVKD THEO KLG VÀ GTGD THÁNG 8/2026

THEO TÀI KHOẢN MỞ MỚI



TOP 10 TVKD MỞ NHIỀU TÀI KHOẢN NHẤT THÁNG 8/2026

SFVN (TVKD: 046) đứng đầu với 665 tài khoản, chiếm 20,08% tổng số tài khoản mở mới toàn thị trường. Gia Cát Lợi (TVKD: 003) đứng thứ hai với 652 tài khoản, chiếm 19,69%. HCT (TVKD: 012) đứng thứ ba với 417 tài khoản, chiếm 12,59%.

Đáng chú ý, Hitech Finance (TVKD: 036) lùi về vị trí thứ 5 với 256 tài khoản, trong khi FireAnt (TVKD: 048) góp mặt ở vị trí thứ 10 với 117 tài khoản.

Như vậy, bên cạnh quy mô giao dịch, cạnh tranh về phát triển khách hàng tiếp tục được mở rộng giữa các TVKD trong tháng 8.

Phần 4: Lịch thông tin kinh tế

Thay đổi mức ký quỹ (8/2026)

Trong tháng 8, MXV liên tục cập nhật mức ký quỹ giao dịch theo diễn biến thị trường và quy định của các Sở giao dịch hàng hóa liên thông. Các đợt điều chỉnh tập trung vào hợp đồng kỳ hạn tiêu chuẩn, quyền chọn, kim loại LME và giao dịch liên kỳ hạn đối với nông sản, cà phê. So với mức ký quỹ tại Quyết định 658 ngày 5/8, mức áp dụng theo Quyết định 719 ngày 28/8 đã tăng ở nhiều mặt hàng, nổi bật là lúa mì và bạc. Một số thay đổi đáng chú ý được thể hiện dưới đây:

Mặt hàng	5/8	28/8	Thay đổi
Lúa mì	1.870 USD	2.255 USD	▲20,6%
Bạc	31.990 USD	38.187 USD	▲19,4%
Dầu đậu tương	2.035 USD	2.310 USD	▲13,5%
Khô đậu tương	1.550 USD	1.705 USD	▲10%
Ngô	1.063 USD	1.155 USD	▲8,7%
Bạch kim	8.649 USD	9.342 USD	▲8%
Cà phê Arabica	16.067 USD	16.653 USD	▲3,6%
Cà phê Robusta	4.587 USD	4.587 USD	Không đổi

Lúa mì và bạc là hai mặt hàng có mức ký quỹ tăng mạnh nhất trong nhóm này. Trong khi đó, mức ký quỹ của một số sản phẩm như cà phê Robusta, đường trắng và đồng không thay đổi giữa hai mốc. Theo Quyết định 719, mức ký quỹ áp dụng tại MXV được xác định bằng 120% mức ký quỹ ban đầu do Sở giao dịch liên thông quy định đối với nhóm hợp đồng tiêu chuẩn và quyền chọn.

Đối với kim loại LME, Quyết định 720 ngày 28/8 điều chỉnh mức ký quỹ: đồng tăng 100 USD lên 23.825 USD, kẽm tăng 550 USD lên 8.100 USD; trong khi nhôm giảm 225 USD xuống 5.100 USD, chì giảm 50 USD xuống 2.925 USD, thiếc giảm 910 USD xuống 35.715 USD và niken giảm 150 USD xuống 10.674 USD. Mức ký quỹ của thép thanh vằn, thép phế liệu và thép cuộn cán nóng được giữ nguyên.

Phần 4: Lịch thông tin kinh tế

Thay đổi mức ký quỹ (9/2026)

Ngày 2/9, MXV ban hành Quyết định 723/QĐ/TGD-MXV về mức ký quỹ giao dịch hàng hóa. Tính đến ngày 10/9, đây là quyết định mới nhất về nội dung này được MXV công bố.

Theo Quyết định 723, một số mức ký quỹ đáng chú ý gồm:

Mặt hàng	Mức ký quỹ
Dầu đậu tương	2.310 USD
Đậu tương	2.830 USD
Khô đậu tương	1.705 USD
Lúa mì	2.255 USD
Ngô	1.155 USD
Cà phê Arabica	16.653 USD
Cà phê Robusta	4.587 USD
Bạc	35.540 USD
Bạch kim	8.719 USD
Bạc Nano ACM	400 USD
Bạch kim Nano ACM	522 USD
Đồng Nano ACM	307 USD

So với mức cuối tháng 8 theo Quyết định 719, mức ký quỹ bạc giảm từ 38.187 USD xuống 35.540 USD, trong khi bạch kim giảm từ 9.342 USD xuống 8.719 USD. Các mức ký quỹ của lúa mì, ngô, dầu đậu tương, khô đậu tương và hai loại cà phê trong bảng trên được duy trì so với mức cuối tháng 8.

Mức ký quỹ có thể được MXV điều chỉnh nhiều lần trong tháng theo diễn biến thị trường và yêu cầu của các Sở giao dịch liên thông. TVKD cần thường xuyên cập nhật các quyết định mới về mức ký quỹ để kịp thời thông tin đến khách hàng, đồng thời chủ động theo dõi và quản lý nguồn vốn khi mức ký quỹ thay đổi. Đặc biệt, với các hợp đồng có mức ký quỹ điều chỉnh tăng, TVKD cần lưu ý thông tin kịp thời để khách hàng chủ động bổ sung nguồn vốn, đảm bảo duy trì vị thế theo quy định.

Hoạt động giao dịch liên thông

Trong tháng 9/2026, lịch giao dịch của một số Sở giao dịch liên thông có điều chỉnh do các ngày nghỉ lễ tại Mỹ. Ngày 7/9 là ngày nghỉ Labor Day tại Mỹ nên thời gian giao dịch và thời điểm công bố giá của một số hợp đồng liên thông với CME/CBOT có thay đổi so với lịch thông thường. Các điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến giờ mở cửa, giờ đóng cửa và thời điểm xác định giá thanh toán của từng hợp đồng.

TVKD cần lưu ý các thay đổi trong lịch giao dịch của từng Sở liên thông và từng hợp đồng, đặc biệt trong các ngày nghỉ lễ để chủ động cập nhật thời gian giao dịch và thời điểm xác định giá thanh toán cho khách hàng. Với các ngày nghỉ còn lại trong tháng, TVKD cần tiếp tục theo dõi lịch giao dịch chính thức của từng Sở liên thông để cập nhật kịp thời các thay đổi liên quan.

Phần 4: Lịch thông tin kinh tế

Các mốc đáng lưu ý

Trong tháng 9, nhiều hợp đồng liên thông thuộc nhóm nông sản, cà phê và kim loại lần lượt đến ngày giao dịch cuối cùng (LTD) hoặc ngày thông báo đầu tiên (FND). TVKD cần chủ động theo dõi các mốc này để thông tin và hỗ trợ khách hàng đóng hoặc chuyển vị thế theo đúng thời hạn quy định.

Thời điểm	Hợp đồng	Mã	Sở liên thông	Mốc
14/9	Lúa mì 9/26	ZWAU26	CBOT	LTD
14/9	Ngô 9/26	ZCEU26	CBOT	LTD
14/9	Đậu tương 9/26	ZSEU26	CBOT	LTD
14/9	Dầu đậu tương 9/26	ZLEU26	CBOT	LTD
14/9	Khô đậu tương 9/26	ZMEU26	CBOT	LTD
15/9	Ca cao 9/26	CCEU26	ICE US	LTD
18/9	Cà phê Arabica 9/26	KCEU26	ICE US	LTD
24/9	Cà phê Robusta 9/26	LRCU26	ICE EU	LTD
24/9	Bông 10/26	CTEV26	ICE US	FND
25/9	Dầu đậu tương Micro 10/26	MZLV26	CBOT	FND/LTD
28/9	Bạc 9/26	SIEU26	COMEX	LTD
28/9	Đồng 9/26	CPEU26	COMEX	LTD
28/9	Bạch kim 9/26	PLEU26	NYMEX	LTD
28/9	Nhôm 9/26	ALIU26	COMEX	LTD
30/9	Dầu đậu tương 10/26	ZLEV26	CBOT	FND
30/9	Khô đậu tương 10/26	ZMEV26	CBOT	FND
30/9	Đường 11 10/26	SBEV26	ICE US	FND/LTD

Các mốc FND/LTD có thể ảnh hưởng trực tiếp đến thời hạn duy trì vị thế của khách hàng. TVKD cần rà soát các vị thế sắp đến hạn và chủ động thực hiện các bước xử lý theo quy định.

Phần 4: Lịch thông tin kinh tế

Lịch kinh tế đáng chú ý

Thời điểm	Sự kiện	Nhóm chịu tác động	Nội dung đáng chú ý
1-3/9	PMI sản xuất và dịch vụ Trung Quốc	Kim loại cơ bản, năng lượng	Thước đo nhu cầu tiêu thụ vật chất thực tế
3/9	ISM dịch vụ Mỹ	Kim loại, năng lượng	Sức khỏe kinh tế và nhu cầu
4/9	Bảng lương phi nông nghiệp Mỹ (NFP)	Toàn thị trường	Triển vọng lãi suất FED
7-9/9	Cán cân thương mại và nhập khẩu Trung Quốc	Kim loại, nông sản, dầu thô	Khối lượng nhập khẩu nguyên liệu thô vào Trung Quốc
Hàng tuần, thứ Tư (21:30)	EIA - Tồn kho dầu	Dầu thô, xăng, diesel	Cung - cầu dầu tại Mỹ
Hàng tuần, thứ Năm (19:30/20:30)	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp Mỹ	Kim loại quý, USD	Tín hiệu sớm về thị trường lao động
Hàng tuần, thứ Năm (19:30/20:30)	USDA - Báo cáo doanh số xuất khẩu nông sản	Đậu tương, ngô, lúa mì, bông	Tiến độ mua hàng thực tế hàng tuần từ các đối tác lớn
Hàng tuần, thứ Bảy (02:30 - 03:30)	CFTC - Commitment of Traders	Kim loại, nông sản, năng lượng	Thay đổi vị thế của các quỹ đầu cơ
9/9	EIA - Short-Term Energy Outlook	Dầu thô, khí tự nhiên	Triển vọng cung - cầu và giá năng lượng
10/9	CPI Mỹ	Kim loại quý, năng lượng	Lạm phát và kỳ vọng chính sách tiền tệ
11/9	PPI Mỹ	Kim loại quý, năng lượng	Áp lực chi phí sản xuất đầu vào và kỳ vọng lạm phát bán buôn
11/9	Báo cáo WASDE	Đậu tương, ngô, lúa mì, bông	Cân đối cung - cầu nông sản toàn cầu
11-14/9	Báo cáo dầu mỏ hàng tháng của OPEC và IEA	Năng lượng	Sản lượng OPEC+ và cán cân cung - cầu (IEA)
15-16/9	Cuộc họp FOMC (FED)	Toàn thị trường	Quyết định lãi suất và tín hiệu chính sách tiền tệ
25/9	Chỉ số giá PCE lõi Mỹ	Toàn thị trường	Thước đo lạm phát chủ chốt của Fed
30/9	Báo cáo Grain Stocks USDA	Ngô, lúa mì, đậu tương	Tồn kho cuối niên vụ và triển vọng nguồn cung
30/9	PMI sản xuất Trung Quốc	Kim loại, năng lượng, NLCN	Hoạt động sản xuất và nhu cầu hàng hóa

Phần 4: Lịch thông tin kinh tế

5 BIẾN SỐ ĐÁNG CHÚ Ý THÁNG 9/2026

1

CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ CỦA FED VÀ CÁC DỮ LIỆU KINH TẾ MỸ

NFP, CPI, PPI, FOMC và các chỉ báo việc làm

CÂN BẰNG CUNG - CẦU TRÊN THỊ TRƯỜNG NĂNG LƯỢNG

EIA, tồn kho dầu và triển vọng cung - cầu dầu

2

3

TRIỂN VỌNG MÙA VỤ QUA BÁO CÁO WASDE CỦA USDA

Đậu tương, ngô, lúa mì, bông

SỨC KHỎE SẢN XUẤT - NHU CẦU CÔNG NGHIỆP TRUNG QUỐC

PMI sản xuất, kim loại và năng lượng

4

5

VỊ THẾ CỦA CÁC QUỸ ĐẦU CƠ TRÊN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

CFTC COT, kim loại, nông sản và năng lượng